

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (IDICO - IDI.JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suông - An Lạc, Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 23 tháng 11 năm 2010

Tập sở chính của Công ty tại Km 1096+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Thuý	Chủ tịch
	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Ủy viên
	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Ủy viên
	Ông Vũ Thành Danh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2011)
	Bà Lê Thị Thoa	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 21/04/2011)
	Ông Phạm Quốc Vượng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Giám đốc
	Ông Vũ Thành Danh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/5/2011)
	Ông Lê Quốc Đạt	Phó Giám đốc
	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác



Nguyễn Hồng Ninh
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Số 472/2011/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ chủ yếu cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 được lập ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 04 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Do không đánh giá đủ thông tin liên quan đến giá thị trường của Cổ phiếu Công ty đang nắm giữ nên chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ý kiến về số dự phòng Công ty đã trích và ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế đã nêu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		30.171.768.402	43.173.422.069
I- Tiền	110		5.087.491.514	3.871.551.651
1. Tiền	111	5.1	5.087.491.514	3.871.551.651
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	8.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	8.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.819.654.392	23.352.123.115
1. Phải thu khách hàng	131		4.661.310.113	11.464.691.628
2. Trả trước cho người bán	132		5.586.258.955	6.814.260.035
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	4.956.487.934	5.457.574.062
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(384.402.610)	(384.402.610)
IV- Hàng tồn kho	140		7.137.451.823	4.530.003.103
1. Hàng tồn kho	141	5.3	7.137.451.823	4.530.003.103
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.127.170.673	3.419.744.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		59.491.683	59.491.683
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.067.678.990	3.360.252.517
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		570.984.724.059	588.811.120.658
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		447.731.164.626	476.583.465.838
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	436.163.823.081	463.629.470.232
- Nguyên giá	222		779.515.593.904	779.339.378.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(343.351.770.823)	(315.709.908.374)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	306.367.643	356.411.117
- Nguyên giá	228		714.424.800	714.424.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(408.057.157)	(358.013.683)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	11.260.973.902	12.597.584.489
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	112.227.654.820	112.227.654.820
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.930.773.120	17.930.773.120
3. Đầu tư dài hạn khác	258		108.757.715.500	108.757.715.500
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(14.460.833.800)	(14.460.833.800)
V- Tài sản dài hạn khác	260		11.025.904.613	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	11.025.904.613	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		601.156.492.461	631.984.542.727

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		307.438.872.593	352.774.312.010
I- Nợ ngắn hạn	310		11.510.831.930	22.358.026.031
2. Phải trả người bán	312		3.398.107.419	6.017.840.891
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.332.418.771	1.826.759.232
5. Phải trả người lao động	315		1.442.855.112	1.667.210.909
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	4.900.933.199	12.846.214.999
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		436.517.429	-
II- Nợ dài hạn	330		295.928.040.663	330.416.285.979
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.12	64.288.990.880	64.288.240.880
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	231.633.571.399	266.033.571.399
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.478.384	94.473.700
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		293.717.619.868	279.210.230.717
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	293.717.619.868	279.210.230.717
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.309.902.864	9.150.770
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.540.252.894	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.375.464.110	29.709.079.947
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		601.156.492.461	631.984.542.727



Nguyễn Hồng Ninh
 Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Văn Thọ
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trường Vũ
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	81.971.043.574	84.980.861.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	81.971.043.574	84.980.861.995
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	32.281.748.916	35.115.415.287
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		49.689.294.658	49.865.446.708
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	2.570.407.928	4.354.953.422
7. Chi phí tài chính	22	5.18	18.814.701.124	22.169.913.999
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.814.701.124	22.169.913.999
8. Chi phí bán hàng	24		10.165.063.577	7.944.994.729
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.360.947.792	3.476.431.701
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		15.918.990.093	20.629.059.701
11. Thu nhập khác	31	5.19	37.430.245	2.861.219
12. Chi phí khác	32	5.19	3.331.183	668.384
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		34.099.062	2.192.835
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		15.953.089.155	20.631.252.536
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	496.075.210	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		15.457.013.945	20.631.252.536
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	620	827



Nguyễn Hồng Ninh

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Văn Thọ

Kế toán trưởng

Nguyễn Trường Vũ

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	96.916.793.077	98.590.894.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(18.330.816.930)	(8.108.121.724)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.671.887.600)	(7.288.186.002)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(15.873.226.124)	(22.169.913.999)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(496.075.210)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.357.326.455	1.846.022.237
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(27.468.468.108)	(20.613.556.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.433.645.560	42.257.138.350
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(502.219.625)	(42.860.023)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.910.000.000)	(6.150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24.910.000.000	2.150.000.000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.684.513.928	3.745.197.354
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.182.294.303	(297.662.669)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	11.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(34.400.000.000)	(52.672.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.400.000.000)	(41.672.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	1.215.939.863	287.475.681
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.871.551.651	3.569.134.959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.087.491.514	3.856.610.640



Nguyễn Hồng Ninh
 Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Văn Thọ
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trường Vũ
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (Số cũ: 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/11/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249.492.000.000 đồng

Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTĐTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Suong - An Lạc thuộc địa phận TP. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPĐC1 - ĐTĐTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPĐC2 - ĐTĐTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 30/06/2011:

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam - TNHH MTV	35%
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6	12,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng dầu khí IDICO	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	10%
Các cổ đông khác	32,5%

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với Mã Chứng khoán :HTI

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 mã số 0302095576, ngày 23 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTĐTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng từ kể từ tháng 1/2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi Chế độ kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>06 tháng năm 2011</u>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	07
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa vào hoạt động, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An sương - An lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-ICDN ngày 08/01/2010

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình trình bày phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé “Cước đường bộ” lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã được lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ theo hướng dẫn tại Phần H, thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.305.264.578	1.709.616.388
Tiền gửi ngân hàng	3.782.226.936	2.161.935.263
Tổng	5.087.491.514	3.871.551.651

5.2 Phải thu khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	24.680.082	10.367.059
Phải thu khác	4.931.807.852	5.447.207.003
<i>IDICO - URBIZ</i>	<i>1.677.341.315</i>	<i>1.677.341.315</i>
<i>IDICO - COMATRA</i>	<i>-</i>	<i>663.373.996</i>
<i>IDICO - CONAC</i>	<i>2.286.308.092</i>	<i>2.286.308.092</i>
<i>Phải thu tiền đền bù thanh toán thừa cho các hộ dân</i>	<i>710.380.278</i>	<i>710.380.278</i>
<i>Phải thu thuế INCN</i>	<i>218.876.843</i>	<i>102.653.886</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>38.901.324</i>	<i>7.149.436</i>
Tổng	4.956.487.934	5.457.574.062

5.3 Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	157.690.016	208.483.338
Công cụ, dụng cụ	55.764.970	15.178.160
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	6.923.996.837	4.306.341.605
Tổng	7.137.451.823	4.530.003.103

(*) Công trình dở dang, bao gồm:

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trụ sở nhà làm việc HEND Tỉnh Hậu Giang	1.600.197.562	1.810.887.689
Trụ sở nhà làm việc Ban Dân tộc Tỉnh Hậu Giang	-	383.134.631
Trường PTTH Chiêm Thành Tấn	5.323.049.275	2.112.319.285
Trường PTTH Vĩnh Viễn tỉnh Hậu Giang	750.000	-
Tổng	6.923.996.837	4.306.341.605

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng CBNV	3.067.678.990	3.360.252.517
Tổng	3.067.678.990	3.360.252.517

5.5 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	770.796.286.225	6.666.016.663	1.460.284.000	416.791.718	779.339.378.606
Tăng trong kỳ	142.606.158	33.609.140	18.597.600	-	194.812.898
Mua trong kỳ		33.609.140	-		33.609.140
Đầu tư XD CB hoàn thành	142.606.158	-	-	-	142.606.158
Phân loại lại	-	-	18.597.600	-	18.597.600
Giảm trong kỳ	-	18.597.600	-	-	18.597.600
Phân loại lại	-	18.597.600	-	-	18.597.600
Số dư tại 30/06/2011	770.938.892.383	6.681.028.203	1.478.881.600	416.791.718	779.515.593.904
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2011	310.911.329.727	3.450.109.734	1.036.987.617	311.481.296	315.709.908.374
Tăng trong kỳ	27.100.736.905	452.911.536	59.671.554	28.542.454	27.641.862.449
Khấu hao trong kỳ	27.100.736.905	452.911.536	59.671.554	28.542.454	27.641.862.449
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2011	338.012.066.632	3.903.021.270	1.096.659.171	340.023.750	343.351.770.823
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2011	459.884.956.498	3.215.906.929	423.296.383	105.310.422	463.629.470.232
Tại 30/06/2011	432.926.825.751	2.778.006.933	382.222.429	76.767.968	436.163.823.081

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 502.678.119 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

5.6 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND
Phần mềm quản lý thu phí

NGUYÊN GIÁ	
Số dư tại 01/01/2011	714.424.800
Số dư tại 30/06/2011	714.424.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư tại 01/01/2011	358.013.683
Tăng trong kỳ	50.043.474
Khấu hao trong kỳ	50.043.474
Số dư tại 30/06/2011	408.057.157
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2011	356.411.117
Tại 30/06/2011	306.367.643

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
DA cải tạo QL1A đoạn An Suong - An Lạc	7.563.115.810	7.563.115.810
Dự án đường Hà Huy Giáp, Quận 12	2.224.447.026	2.128.343.039
Dự án đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến QL 1A	919.236.460	557.915.774
Các dự án khác	74.822.500	89.345.900
Sửa chữa lớn TSCĐ	479.352.106	2.258.863.966
	11.260.973.902	12.597.584.489

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Đơn vị tính VND</i>			
	30/6/2011		1/1/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hợp đồng hợp tác kinh doanh <1>		17.930.773.120		17.930.773.120
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Long An IDICO		17.930.773.120		17.930.773.120
Đầu tư dài hạn khác	4.468.593	108.757.715.500	4.468.593	108.757.715.500
Công ty CP Thủy điện Srok Phu Miêng (Mã SHP)	2.992.103	85.274.935.500	2.992.103	85.274.935.500
Công ty CP Xuất nhập khẩu Sản xuất gia công và Bao bì (Mã PACKSIMEX)	1.476.490	23.482.780.000	1.476.490	23.482.780.000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư <2>		(14.460.833.800)		(14.460.833.800)
Tổng	4.468.593	112.227.654.820	4.468.593	112.227.654.820

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

<1> Thông tin Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Góp vốn hợp tác đầu tư và kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long An IDICO dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

<2> Dự phòng giảm giá chứng khoán SHP

Hiện tại, Cổ phiếu Thủy Điện Srok Phu Miêng IDICO chưa niêm yết giao dịch chính thức do đó Công ty tạm thời chưa trích lập dự phòng bổ sung cho khoản đầu tư này trong năm 2011.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trùng tu tuyến Quốc lộ 1 A đoạn An Sương - An Lạc	11.025.904.613	-
Tổng	11.025.904.613	-
Trùng tu tuyến đường Quốc lộ 1A (An Sương - An Lạc), Công ty phân bổ chi phí 5 năm kể từ tháng 7/2011.		

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.308.859.388	1.816.200.380
Thuế thu nhập cá nhân	23.559.383	10.558.852
Tổng	1.332.418.771	1.826.759.232

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	63.211.963	59.230.997
Bảo hiểm thất nghiệp	-	8.112.238
Cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2010	418.102.400	8.628.397.918
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.419.618.836	4.150.473.846
<i>Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng</i>	<i>4.122.306.000</i>	<i>4.122.306.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>297.312.836</i>	<i>28.167.846</i>
Tổng	4.900.933.199	12.846.214.999

5.12 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả Tổng Công ty IDICO - INHH MTV	64.288.990.880	64.288.240.880
Tổng	64.288.990.880	64.288.240.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

5.13 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngân hàng	231.633.571.399	266.033.571.399
Tổng	231.633.571.399	266.033.571.399

Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 351/2004/HĐ ngày 28 tháng 7 năm 2004 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng đầu mối), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh, Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt.

Số tiền vay theo hợp đồng: 580.000.000.0000 đồng;

Mục đích vay: Đầu tư dự án “Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 A đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901 - Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh”;

Thời hạn vay: 126 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

Thời gian trả nợ: 120 tháng bắt đầu vào quý I năm 2005, trả nợ gốc 3 tháng 1 kỳ, lãi trả ngày 25 đến 30 hàng tháng;

Lãi suất: không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu phí quốc lộ 1A theo hợp đồng BOT.

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	249.492.000.000	9.150.770	-	8.796.334.925	258.297.485.695
Tăng trong năm	-	-	-	42.462.733.122	42.462.733.122
Lãi	-	-	-	42.462.733.122	42.462.733.122
Giảm trong năm	-	-	-	21.549.988.100	19.959.360.000
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	19.959.360.000	19.959.360.000
Trích lập quỹ	-	-	-	1.590.628.100	1.590.628.100
Số dư tại 31/12/2010	249.492.000.000	9.150.770	-	29.709.079.947	279.210.230.717
Số dư tại 01/01/2011	249.492.000.000	9.150.770	-	29.709.079.947	279.210.230.717
Tăng trong kỳ	-	8.300.752.094	2.540.252.894	15.457.013.945	26.298.018.933
Lãi	-	-	-	15.457.013.945	15.457.013.945
Trích lập quỹ	-	8.300.752.094	2.540.252.894	-	10.841.004.988
Giảm trong kỳ	-	-	-	11.790.629.782	11.790.629.782
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	11.790.629.782	11.790.629.782
Số dư tại 30/06/2011	249.492.000.000	8.309.902.864	2.540.252.894	33.375.464.110	293.717.619.868

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Cổ phiếu

	30/06/2011	1/1/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10 000 đồng/ cổ phiếu.		

5.15 Tổng doanh thu bán hàng

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu thu phí đường bộ	77.044.872.733	77.358.381.821
Doanh thu dịch vụ xây lắp	4.926.170.841	7.622.480.174
Tổng	81.971.043.574	84.980.861.995

5.16 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn thu phí đường bộ	27.672.710.915	27.900.475.577
Giá vốn của dịch vụ xây lắp	4.609.038.001	7.214.939.710
Tổng	32.281.748.916	35.115.415.287

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	208.023.928	1.199.515.211
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.362.384.000	3.155.438.211
Tổng	2.570.407.928	4.354.953.422

5.18 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.814.701.124	22.169.913.999
Tổng	18.814.701.124	22.169.913.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

5.19 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu tiền bồi thường	23.767.000	-
Thanh lý công cụ	13.636.363	-
Thu nhập khác	26.882	2.861.219
Tổng	37.430.245	2.861.219
Chi phí khác		
Giá trị còn lại công cụ thanh lý	3.313.190	-
Chi phí khác	17.993	668.384
Tổng	3.331.183	668.384
Thu nhập khác thuần	34.099.062	2.192.835

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Lợi nhuận kế toán	15.953.089.155
Chuyển lỗ trong kỳ	6.031.584.965
Thu nhập chịu thuế	9.921.504.190
Thuế suất áp dụng	5%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	496.075.210

5.21 Lãi trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	15.457.013.945	20.631.252.536
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	15.457.013.945	20.631.252.536
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	620	827

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.822.447.372	5.375.517.271
Chi phí nhân công	14.731.694.408	9.397.214.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.691.905.923	27.812.345.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.231.988.034	3.027.886.969
Chi phí khác bằng tiền	1.770.477.420	1.459.487.401
Tổng	50.248.513.157	47.072.451.981

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

		Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Bên liên quan	Tính chất giao dịch	
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	Lương, thưởng, thù lao	244.000.000
Tổng		244.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Tổng Công ty IDICO	Công ty Mẹ	Thi công công trình	4.926.170.841	-
		Phải trả mua hồ sơ thầu	750.000	-

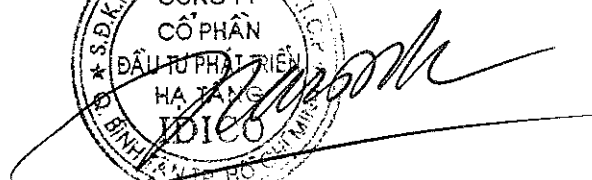
Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung công nợ	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tổng Công ty IDICO	Công ty Mẹ	Phải thu cho ICT	4.204.811.113	10.758.224.188
		Phải trả cho ICT	64.288.990.880	64.288.240.880
CIENCO 6	Cổ đông lớn	Tạm ứng cổ tức năm 2010 đợt 1	-	2.494.920.000
IDICO - CONAC	Cổ đông lớn	Phải thu	2.286.308.092	2.286.308.092
	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO		-	-
IDICO - URBIZ	Cổ đông lớn	Phải thu	1.677.341.315	1.677.341.315
	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO		-	-
IDICO - UDICO	Cổ đông lớn	Tạm ứng cổ tức năm 2010 đợt 1	-	1.995.936.000
	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO		-	-
IDICO - COMAIRA	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu	-	663.373.996

6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán và Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 đã được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.




Nguyễn Hồng Ninh

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011


Nguyễn Văn Thọ

Kế toán trưởng


Nguyễn Trường Vũ

Người lập